TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T , TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Đức và bà Lê Thị Đông Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T , tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 324/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/8/2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1969; Địa chỉ: 63 Nguyễn …., phường …, thành phố T , tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Thành Ph, sinh năm 1967; Địa chỉ: Địa chỉ: 63 Nguyễn …., phường …, thành phố T , tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông Ph tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường .., thành phố T , tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển 01 ngày 10/3/1993. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian đến tháng 04/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông Ph thường xuyên chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà và kình cãi nhau nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Năm 2022 bà đã làm đơn xin ly hôn đến Tòa nhưng vì gia đình và con cái nên bà rút đơn khởi kiện. Mặc dù, mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải nhưng ông Ph vẫn không thay đổi tính tình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu

thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông Ph.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là Võ Thành P1, sinh ngày 15/6/1994 và Võ Huy P2, sinh ngày 26/9/2005. Hiện nay các con đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2023 bị đơn ông Võ Thành Ph trình bày được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ph và bà P tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường .., thành phố T , tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận vào năm 1993. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Giữa ông và bà P tuy sống chung một nhà nhưng không có tiếng nói chung, bà P muốn làm gì làm, nếu bà P kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung như bà P trình bày, vì các con đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà P vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Bị đơn ông Ph vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: bà P được ly hôn với ông Ph; Về con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Võ Thành Ph vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Võ Thành Ph tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân

phường .., thành phố T , tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển 01 ngày 10/3/1993 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến tháng 4/2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo bà P là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông Ph thường xuyên chửi bới và xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2023 bị đơn ông Ph cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, tuy sống chung một nhà nhưng không có tiếng nói chung, nếu bà P kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà Phụng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Ph và bà P đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông Ph.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà P và ông Ph có 02 con chung tên là Võ Thành P1, sinh ngày 15/6/1994 và Võ Huy P2, sinh ngày 26/9/2005. Hiện nay các con đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và bà Phụng, ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà P và ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim P được ly hôn với ông Võ Thành Ph.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Võ Thành Ph có 02 *(hai)* con chung tên là Võ Thành P1, sinh ngày 15/6/1994 và Võ Huy P2, sinh ngày 26/9/2005. Hiện nay các con đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và bà Phụng, ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* mà bà P đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0009917 ngày 01/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T , tỉnh Phú Yên.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp T ;
- UBND phường .., Tp T ;
(Số 07, quyển số 01 ngày 10/3/1993)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang